

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1762** /UBND-TCKH
V/v triển khai Hướng dẫn liên
Sở số 3123/HDLS: GDĐT-TC
ngày 25/8/2023 thí điểm đặt
hàng dịch vụ giáo dục đối với
các trường học công lập

Long Biên, ngày **31** tháng **8** năm 2023

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và đào tạo quận Long Biên;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Long Biên;
- Các trường học công lập sử dụng ngân sách Quận.

UBND quận Long Biên triển khai Hướng dẫn số 3123/HDLS: GDĐT-TC ngày 25/8/2023 của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính về một số nội dung thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các trường học công lập sử dụng ngân sách Quận, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM ĐẶT HÀNG

1. Phạm vi, đối tượng, thời gian áp dụng

1.1. Phạm vi: Thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các trường học công lập thuộc Quận năm học 2023-2024.

1.2. Đối tượng:

- Các trường học công lập sử dụng ngân sách Quận được lựa chọn thực hiện thí điểm đặt hàng, cụ thể:

- + Khối Mầm non: Chim Én, Long Biên.
- + Khối Tiểu học: Ái Mộ B, Đoàn Khuê, Ngọc Lâm.
- + Khối THCS: Ái Mộ, Gia Thụy, Ngọc Lâm, Sài Đồng.
- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

1.3. Thời gian thực hiện đặt hàng: Năm học 2023-2024 (Từ 01/9/2023 đến 31/8/2024).

2. Thẩm quyền quyết định phương thức đặt hàng; trình tự đặt hàng:

2.1. Thẩm quyền quyết định phương thức đặt hàng: UBND Quận quyết định phương thức đặt hàng đối với các trường học công lập sử dụng ngân sách Quận.

2.2. Trình tự đặt hàng: Các trường học xây dựng phương án đặt hàng kèm Tờ trình phê duyệt phương án đặt hàng (theo Mẫu 01-HD) gửi phòng Giáo dục và Đào tạo;

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch xem xét, trình UBND Quận quyết định (theo Mẫu 02-HD).

3. Giá đặt hàng

Thực hiện theo giá dịch vụ, giá đặt hàng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với Các trường học mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, trong đó:

- Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (*thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)
1	Trẻ em Mầm non	
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân/lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.400
2	Học sinh Tiểu học	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân/lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.500
3	Học sinh Trung học cơ sở	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân/lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.450
4	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các trường học	27.250

- Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp Mầm non				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 8 lớp	Từ 9 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,10	1,00
Cấp Tiểu học				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 9 lớp	Từ 10 đến 19 lớp	Từ 20 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,15	1,00
Cấp Trung học cơ sở				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên	
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,27	1,00	

- Giá dịch vụ điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp học Mầm non							
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 15 trẻ em	Từ 15 đến 19 trẻ em	Từ 20 đến 24 trẻ em	Từ 25 đến 29 trẻ em	Từ 30 đến 34 trẻ em	Từ 35 đến 39 trẻ em	Từ 40 trẻ em trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,67	1,25	1,00	0,98	0,96	0,95

Cấp phổ thông								
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 20 học sinh	Từ 20 đến 24 học sinh	Từ 25 đến 29 học sinh	Từ 30 đến 34 học sinh	Từ 35 đến 39 học sinh	Từ 40 đến 44 học sinh	Từ 45 đến 49 học sinh	Từ 50 học sinh trở lên
Hệ số điều chỉnh giá cấp Tiểu học	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,94	0,92
Hệ số điều chỉnh giá cấp THCS	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,95	0,93

4. Khối lượng đặt hàng

Số học sinh (trẻ em) năm học 2023-2024 (sau đây gọi chung là học sinh) được tạm xác định trên cơ sở số học sinh năm học 2022-2023, các văn bản giao chỉ tiêu tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền (riêng đối với số học sinh tuyển mới theo thực tế tuyển sinh đầu năm học 2023-2024).

5. Dự toán kinh phí đặt hàng

5.1. Tổng dự toán kinh phí đặt hàng (A)¹ = Giá đặt hàng x số học sinh

¹ - Đối với cơ sở giáo dục (không bao gồm cơ sở giáo dục có quy mô đặc thù)

$A = \text{Giá dịch vụ/học sinh (trẻ em)/năm học} \times \text{Hệ số điều chỉnh theo quy mô số lớp/cơ sở giáo dục} \times \text{Hệ số điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp} \times \text{số học sinh (trẻ em)}$.

- Đối với Các trường học có quy mô số lớp/cơ sở giáo dục, số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp đặc thù và Các trường học khi áp giá theo quy định sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo chi khác tối thiểu thì giá đặt hàng được tính cụ thể như sau:

$A = \text{Quỹ tiền lương, tiền công} + \text{Chi khác tối thiểu} \times 90\% \times \text{số học sinh (trẻ em)}$.

5.2. Dự toán kinh phí đặt hàng chi tiết theo các nguồn sau:

a) Nguồn thu học phí năm học 2023-2024 (B) (bao gồm cả phần NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ):

$B = \text{Số học sinh} \times 9 \text{ tháng} \times \text{mức thu học phí/học sinh/tháng}$ (không bao gồm số trích 40% dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định).

Chia ra:

- Năm 2023: $B = \text{Số học sinh} \times 4 \text{ tháng} \times \text{mức thu học phí/học sinh/tháng}$.

- Năm 2024: $B = \text{Số học sinh} \times 5 \text{ tháng} \times \text{mức thu học phí/học sinh/tháng}$.

b) Nguồn cải cách tiền lương (C):

$C = 40\% \text{ nguồn thu học phí năm học 2023-2024} + \text{Nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/8/2023 tại đơn vị, tối đa bằng số kinh phí theo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị từ mức lương cơ sở 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (từ ngày 01/9/2023 đến 31/8/2024)}$.

c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng $(D) = A - B - C$

Trong đó:

- Năm 2023: $D_1 = \text{Dự toán giao năm 2023/12 tháng} \times 4 \text{ tháng} + \text{Ngân sách cấp kinh phí cải cách tiền lương 4 tháng cuối năm 2023 (trường hợp đơn vị thiếu nguồn thực hiện cải cách tiền lương)}$.

- Năm 2024: $D_2 = D - D_1$

d) Việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí đặt hàng thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

6. Điều chỉnh kinh phí đặt hàng

a) Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.

b) Thành phố điều chỉnh giá, đơn giá dịch vụ giáo dục; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ giáo dục đặt hàng.

c) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ giáo dục.

Việc thực hiện điều chỉnh kinh phí đặt hàng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố.

7. Nghiệm thu, quyết toán đặt hàng

a) Tiêu chí nghiệm thu

Các trường học được đặt hàng thực hiện giảng dạy đúng, đủ, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Cách thức nghiệm thu

- Năm 2023: Các trường học được đặt hàng căn cứ số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2023² (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành) và các nội dung trong quyết định đặt hàng để tiến hành nghiệm thu, quyết toán đợt 1 (tính 04 tháng: từ 01/9/2023 đến 31/12/2023); gửi phòng Giáo dục và Đào tạo và phòng Tài chính - Kế hoạch để kiểm tra, đối chiếu, xác nhận.

- Năm 2024: Các trường học được đặt hàng căn cứ số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2024³ (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành) và các nội dung trong quyết định đặt hàng để tiến hành nghiệm thu, quyết toán đợt 2 (tính 8 tháng: từ 01/01/2024 đến 31/8/2024); đồng thời tổng hợp nghiệm thu đặt hàng của cả năm học 2023-2024 gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Tài chính - Kế hoạch để kiểm tra, đối chiếu, xác nhận.

c) Hồ sơ nghiệm thu và quyết toán đặt hàng:

- Quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền.
- Các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có).
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

d) Biên bản nghiệm thu và quyết toán đặt hàng: *Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.*

8. Quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí

a) Các trường học được đặt hàng thực hiện quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Các đơn vị khi lập báo cáo quyết toán năm, sẽ bao gồm nội dung quyết toán kinh phí đặt hàng (chi tiết theo từng nguồn kinh phí) trong báo cáo quyết toán của đơn vị gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Giáo dục và Đào tạo để xét duyệt quyết toán năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Về số liệu quyết toán:

- Đối với quyết toán ngân sách năm 2023: Các trường học tổng hợp phần quyết toán kinh phí đặt hàng (4 tháng của năm 2023) trong báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023.

- Đối với quyết toán ngân sách năm 2024: Các trường học tổng hợp số kinh phí đặt hàng (8 tháng của năm 2024) trong báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024;

² Số học sinh bình quân = (Số học sinh cuối tháng 9/2023 + Số học sinh cuối tháng 10/2023 + Số học sinh cuối tháng 11/2023 + Số học sinh cuối tháng 12/2023)/4 và được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

³ Số học sinh bình quân = (Số học sinh cuối tháng 01/2024 + Số học sinh cuối tháng 02/2024 + Số học sinh cuối tháng 3/2024 + Số học sinh cuối tháng 4/2024 + Số học sinh cuối tháng 5/2024)/5 và được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Quyết toán kinh phí đặt hàng năm học 2023-2024: Sau khi kết thúc đặt hàng, Các trường học tổng hợp quyết toán kinh phí đặt hàng gồm số kinh phí đặt hàng 4 tháng của năm 2023 và 8 tháng của năm 2024.

c) Tổng hợp báo cáo quyết toán năm:

- Các trường học tổng hợp quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ giáo dục trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận để xét duyệt quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Tham mưu UBND Quận ban hành văn bản triển khai công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục năm học 2023-2024 theo hướng dẫn số 3123/HDLS: GDĐT-TC ngày 25/8/2023 của liên Sở: Giáo dục và đào tạo - Tài chính và các quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND Quận ban hành Quyết định phê duyệt phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách Quận năm học 2023-2024.

- Rà soát các nguồn kinh phí năm 2023, gồm: Nguồn thu học phí, nguồn kinh phí NSNN đã được giao dự toán năm 2023, nguồn cải cách tiền lương còn dư của đơn vị để cân đối, giao dự toán kinh phí đặt hàng năm học 2023-2024 (4 tháng cuối năm 2023).

- Xây dựng toán kinh phí đặt hàng năm 2024, gồm: Nguồn thu học phí, nguồn cải cách tiền lương còn dư của đơn vị (nếu có), nguồn kinh phí NSNN đặt hàng của 8 tháng năm học 2023-2024 và dự kiến kinh phí đặt hàng của 4 tháng năm học 2024-2025.

- Thực hiện công tác thẩm định, phân bổ dự toán; nghiệm thu, xét duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng đối với các trường học trực thuộc theo quy định của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND Quận xem xét, điều hòa, điều chỉnh dự toán kinh phí đặt hàng năm 2023 để các đơn vị triển khai thực hiện và triển khai xây dựng toán dự toán ngân sách năm 2024 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND Quận ban hành Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng của các trường học.

- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện công tác nghiệm thu, quyết toán kinh phí đặt hàng theo đúng quy định.

3. Kho bạc Nhà nước Long Biên

Thực hiện kiểm soát chi và tạm ứng, thanh toán kinh phí đặt hàng đối với các trường học theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

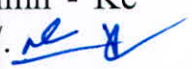
4. Các trường học công lập được đặt hàng

- Lập phương án đặt hàng theo mẫu, gửi về phòng Giáo dục và Đào tạo để xem xét, trình UBND Quận quyết định đặt hàng; (Các đơn vị gửi Tờ trình phương án đặt hàng về phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Tài chính - Kế hoạch **trước 08/9/2023**; đồng thời gửi qua địa chỉ Email: phanthimai_longbien@hanoi.gov.vn, auminhhang@longbien.edu.vn).

- Tổ chức thực hiện các nội dung theo quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền đảm bảo thời gian, chất lượng theo quy định;

- Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đặt hàng theo quy định của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

Các nội dung khác không nêu tại văn bản này, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính; Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố và các quy định có liên quan của Trung ương, Thành phố.

Trên đây là một số nội dung triển khai thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các trường học sử dụng ngân sách Quận của UBND quận Long Biên. Đề nghị các phòng ban, đơn vị, các trường học công lập triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch nghiên cứu, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- KBNN Long Biên (để phối hợp);
- Lưu: VT, TCKH (03b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hà

Tên cơ quan quản lý cấp trên
TRƯỜNG.....

Mẫu số 01-HD
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr...

Long Biên, ngày ... tháng ... năm 2023

TỜ TRÌNH

Về phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách quận Long Biên năm học 2023-2024

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Long Biên

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với Các trường học mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2541/UBND-KGVX ngày 11/8/2023 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố;

Căn cứ Văn bản số .../UBND-TCKH ngày ... / ... /2023 của UBND quận Long Biên về việc triển khai Hướng dẫn liên Sở số 3123/HDLS: GDĐT-TC ngày 25/8/2023 thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các trường học công lập;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của trường

Trường xây dựng phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách quận Long Biên năm học 2023-2024 kính báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo, gồm các nội dung như sau:

1. Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng:

- Số lớp: ...

- Số học sinh: ...

(Chi tiết theo biểu số 01-HD kèm theo)

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện giảng dạy đúng, đủ, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành: Năm học 2023-2024 (Từ 01/9/2023 đến hết 31/8/2024).

4. Giá đặt hàng:

Thực hiện theo giá dịch vụ, giá đặt hàng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố.

(Chi tiết theo biểu số 02-HD kèm theo)

5. Dự toán kinh phí đặt hàng:

Tổng dự toán kinh phí đặt hàng (A)....Chi tiết theo các nguồn sau:

a) Nguồn thu học phí năm học 2023-2024 (B) (bao gồm cả phần NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ):

$B = \text{Số học sinh} \times 9 \text{ tháng} \times \text{mức thu học phí/học sinh/tháng}$ (không bao gồm số trích 40% dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định).

Chia ra:

- Năm 2023: $B = \text{Số học sinh} \times 4 \text{ tháng} \times \text{mức thu học phí/học sinh/tháng}$.

- Năm 2024: $B = \text{Số học sinh} \times 5 \text{ tháng} \times \text{mức thu học phí/học sinh/tháng}$.

b) Nguồn cải cách tiền lương (C):

$C = 40\% \text{ nguồn thu học phí năm học 2023-2024} + \text{Nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/8/2023 tại đơn vị, tối đa bằng số kinh phí theo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị từ mức lương cơ sở 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (từ ngày 01/9/2023 đến 31/8/2024)}$.

c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (D) = A - B - C

Trong đó:

- Năm 2023: $D_1 = \text{Dự toán giao năm 2023/12 tháng} \times 4 \text{ tháng} + \text{Ngân sách cấp kinh phí cải cách tiền lương 4 tháng cuối năm 2023 (trường hợp đơn vị thiếu nguồn thực hiện cải cách tiền lương)}$.

- Năm 2024: $D_2 = D - D_1$

(Chi tiết theo biểu số 02-HD kèm theo)

6. Phương thức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán:

6.1. Đợt 1:

Theo số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2023 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành).

6.2. Đợt 2:

Theo số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2024 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành).

7. Cam kết của đơn vị:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện các nội dung theo quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền đảm bảo thời gian, chất lượng theo quy định;

Trường kính báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)

Đơn vị:

Biểu số 01-HD

SỐ LỚP, HỌC SINH ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-... ngày .../.../2023 của Trường

Số TT	Cấp học/lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp
	Khối THCS			
1	Lớp 6			
2	Lớp 7			
3	Lớp 8			
4	Lớp 9			
	Khối Tiểu học			
1	Lớp 1			
2	Lớp 2			
3	Lớp 3			
4	Lớp 4			
5	Lớp 5			
	Khối Mầm non			
1	Nhà trẻ			
2	Mẫu giáo bé			
3	Mẫu giáo nhỡ			
4	Mẫu giáo lớn			

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Ngày tháng năm 2023

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Các trường học có lớp chuyên: Ở mỗi khối lớp chia ra hệ chuyên, hệ không chuyên, hệ song bằng.

- Đối với 03 cơ sở giáo dục chuyên biệt (có học sinh khuyết tật học hòa nhập): Ở mỗi khối lớp chia ra học sinh thường, học sinh khuyết tật.

Đơn vị:

Biểu số 02-HD

SỐ LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-... ngày .../.../2023 của Trường)

[illegible]

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Người lập

Ngày ... tháng ... năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.

Cột 12: = 40% nguồn thu học phí 4 tháng năm học 2023-2024 + Nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/8/2023 của đơn vị, tối đa bằng số kinh phí theo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị từ mức lương cơ sở 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (từ ngày 01/9/2023 đến 31/12/2023).

Cột 16: = 40% nguồn thu học phí 5 tháng năm học 2023-2024 + Nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/12/2023 của đơn vị, tối đa bằng số kinh phí theo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị từ mức lương cơ sở 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (từ ngày 01/01/2024 đến 31/8/2024).

[illegible]

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Người lập

Ngày ... tháng ... năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.

Cột 10: = 40% nguồn thu học phí 4 tháng năm học 2023-2024 + Nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/8/2023 của đơn vị, tối đa bằng số kinh phí theo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị từ mức lương cơ sở 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (từ ngày 01/9/2023 đến 31/12/2023).

Cột 14: = 40% nguồn thu học phí 5 tháng năm học 2023-2024 + Nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/12/2023 của đơn vị, tối đa bằng số kinh phí theo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị từ mức lương cơ sở 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (từ ngày 01/01/2024 đến 31/8/2024).